TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2017/DS-PT
Ngày: 21/9/2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị An Tiên**

Bà **Võ Thị Hồng Mai**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Phạm Văn Sự** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2017/TLPT-DS ngày 13/7/2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2017/QĐPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị **Đặng Thị Thu T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: đường Tôn Thất T, Tổ M, Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn*:*

2.1 Ông **Đỗ Văn N (Đỗ Văn P)**, sinh năm 1964;

Bà **Nguyễn Thị I**, sinh năm 1964;

Người đại diện hợp pháp của bà I: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1964 – Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2016), có mặt.

Cùng địa chỉ: đường Phạm Ngọc T, Tổ N, Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2.2 Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1964;

Ông **Lê Văn Ư**, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Tổ N, Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bà T và ông Ư: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1964 là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2016), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Đỗ Văn N: Luật sư Nguyễn Văn R của Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn R thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Tổ M, Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T, bị đơn ông N, bà I và bà T**,** ông Ư.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu T trình bày:

Năm 1986, chị được cậu là Trần Văn T cho phần đất khoảng 120,7m^2 tại thửa số 93, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Chị và mẹ ruột Nguyễn Thị H sinh sống trên đất. Năm 2007, Nhà nước tặng cho bà H một căn nhà Đại đoàn kết trị giá 10.000.000 đồng. Gia đình đã góp thêm tiền và xây nhà kiên cố để ở cho đến nay. Phía Đông đất của chị là giáp với đất của ông Đỗ Bá C. Năm 2007, ông C sang nhượng cho vợ chồng ông Đỗ Văn N (P) và bà Nguyễn Thị I. Ông N sang nhượng lại cho chị của bà I là bà Nguyễn Thị Hồng T một phần. Cũng trong năm 2007, ông N xây nhà. Khi ông N xây nhà, chị phát hiện ông N lấn sang phần đất của chị có hầm vệ sinh. Chị có

ngăn cản. Việc ngăn cản chỉ nói miệng, không có văn bản gửi chính quyền địa phương.

Nay chị yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị I hoàn trả diện tích đất 16m^2 và bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Lê Văn Ư hoàn trả diện tích đất 6,2m^2, các phần đất tọa lạc thửa số 93, tờ bản đồ số 14, Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn N và ông N là người đại diện theo ủy quyền của bà I trình bày:

Ngày 06/7/2007, bà I có nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Bá C phần đất có tứ cận: Đông giáp đường nội bộ 10m, tây giáp đường và nhà bà H khoảng 18m, nam giáp nhà bà Th khoảng 28m, bắc giáp bà M, ông H 23m, với giá 200.000.000 đồng và sau đó, có tách chuyển nhượng cho bà T diện tích 5x23m. Các bên đã tiến hành làm thủ tục sang tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C được cấp ngày 04/5/2006.

Nguồn gốc đất ông Đỗ Bá C chuyển nhượng cho ông là do chuyển nhượng của Ban quản lý xây dựng công trình chợ T diện tích 6x23m và ông C có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T phần đất diện tích 4x30m. Năm 2000, UBND huyện T tiến hành đo đạc bản đồ chính quy nhưng đo sai vị trí đất ông C. Đến năm 2006, khi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C phát hiện diện tích đất ông được cấp bị thiếu và ông có làm đơn xin điều chỉnh đất thổ cư. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C được cấp chỉ xác định diện tích không thể hiện số đo của tứ cận nên khi chuyển nhượng ông không biết diện tích trong giấy chứng nhận thiếu so với hiện trạng đang sử dụng.

Sau khi chuyển nhượng năm 2007, ông tiến hành xây dựng nhà theo vị trí hiện trạng ông C sử dụng, thời điểm này chị T đã xây dựng nhà gần xong và chị T không có tranh chấp ranh đất. Do đó, ông không lấn đất của nguyên đơn nên không đồng ý hoàn trả 16m^2 đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Năm 2007, vợ chồng bà có chuyển nhượng của ông Đỗ Bá C phần đất diện tích 5x23m, diện tích đất này do ông C chuyển nhượng của Ban quản lý chợ T theo Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 25/9/1993 của UBND huyện T với diện tích 6x23m đất có tứ cận: Đông giáp đường nội bộ, tây giáp đường nội bộ, nam giáp mặt bằng quy hoạch dân cư, bắc giáp mặt bằng ông H.

Năm 2000, UBND huyện T đo đạc bản đồ chính quy sai vị trí nên diện tích đất ông C được cấp thiếu so với hiện trạng sử dụng. Ngày 02/4/2006, ông C có đơn xin điều chỉnh đất thổ cư. Sau khi chuyển nhượng, phần đất của bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 100,2m^2 nhưng diện tích được cấp là thiếu so với hiện trạng sử dụng nên bà không đồng ý hoàn trả 6,2m^2 đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Thị Thu T, nguồn gốc đất này do cậu chồng là ông Trần Văn T cho chị T, bà H không có ý kiến gì.

Tại bản án sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 30 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 165 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu T về việc đòi ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị I trả lại diện tích 16m^2.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Lê Văn Ư trả lại diện tích 6,2m^2; đất đều thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Buộc ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị I trả lại diện tích 16m^2 bằng giá trị là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Lê Văn Ư trả lại diện tích 6,2m^2 bằng giá trị là 6.200.000đ (Sáu triệu, hai trăm ngàn đồng).

Ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị I được quyền sử dụng diện tích đất 16m^2 có tứ cận: Đông giáp đất ông N, bà T dài 10,64m; Tây giáp đất của chị T dài 11,17m; Nam giáp thửa 95 của bà Th (ông N đang quản lý) dài 1,98m; Bắc giáp đất tranh chấp chị T và bà T dài 1,30m. Đất thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có một phần căn nhà (phần cuối căn nhà) của ông N, bà I; có đặc điểm: mái tôn, kèo đòn tay gỗ, la phông tôn lạnh, cột và tường xây gạch ống, bên trong sơn bê, bên ngoài tô xi măng, diện tích 213m^2.

Bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Lê Văn Ư được quyền sử dụng diện tích 6,2m^2 có tứ cận: Đông giáp đất bà T 5,09m; Tây giáp đất của bà Trang dài 5,13m; Nam giáp phần tranh chấp chị T và ông N, bà I dài 1,30m; Bắc giáp đất ông H dài 1,17m. Đất thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có một bức tường dài 5,14 m, cao 1,7m, tường 10 gạch ống không tô.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/6/2017, chị T có đơn kháng cáo yêu cầu giao diện tích đất tranh chấp 22,2m^2 để chị được sử dụng.

Ngày 12/6/2017, ông Đỗ Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Ngày 14/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T có kháng nghị số 180/QĐ/KNPT-DS, cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm là không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án, vi phạm Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ kiện theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông N và bà I trả lại diện tích 16m^2; yêu cầu bà T và ông Ư trả lại diện tích đất 6,2m^2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Nguyễn Văn R trình bày: Phần đất của nguyên đơn được tặng cho không có giấy tờ chứng minh, không xác định được vị trí, tứ cận, theo sổ mục kê phần đất chưa có tên người đăng ký kê khai. Diện tích đất ông N đang sử dụng có nguồn gốc chuyển nhượng của ông Đỗ Bá C, được ông C sang nhượng của Ban quản lý chợ T và của bà T, đất ông N sử dụng phù hợp với hiện trạng. Khi ông N xây nhà chị T không tranh chấp. Vị trí hầm cầu chị T đang sử dụng nằm trên đất bà Th. Do đó không có cơ sở xác định ông N lấn đất của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị T, chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, thì thấy rằng:

[1] Diện tích đất tranh chấp được xác định gồm: Phần đất tranh chấp với ông N, bà I được xác định diện tích 16m^2 có tứ cận: Đông giáp đất ông N, bà I dài 10,64m; Tây giáp đất của bà T dài 11,17m; Nam giáp thửa 95 của bà Th (ông N đang quản lý) dài 1,98m; Bắc giáp đất tranh chấp chị T và bà T dài 1,30m. Trên đất tranh chấp là một phần căn nhà (phần cuối căn nhà) của ông N, bà I; có đặc điểm: mái tôn, kèo đòn tay gỗ, la phông tôn lạnh, cột và tường xây gạch ống, bên trong sơn bê, bên ngoài tô xi măng. Phần diện tích nhà trên đất bằng với diện tích đất tranh chấp với ông N 16m^2. Giá trị đất tranh chấp 16.000.000 đồng.

Phần đất tranh chấp với ông Ư, bà T được xác định có diện tích 6,2m^2 có tứ cận: Đông giáp đất bà T 5,09m; Tây giáp đất của chị T dài 5,13m; Nam giáp phần tranh chấp chị T và ông N, bà I dài 1,30m; Bắc giáp đất ông H dài 1,17m. Trên đất tranh chấp có một bức tường dài 5,14m, cao 1,7m, tường 10 gạch ống không tô. Giá trị đất tranh chấp 6.200.000 đồng.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 22,2m^2, đất thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất chưa có tên người đăng ký trong sổ mục kê.

[2] Về nguồn gốc đất chị Đặng Thị Thu T cho rằng do cậu ruột là ông Trần Văn T cho từ năm 1986 nhưng chị T không xuất trình được tài liệu chứng cứ thể hiện tứ cận và diện tích đất chị được cho, cụ thể tại biên bản lấy lời khai (Bút lục 84) bà C vợ ông T xác nhận ông T có cho chị T đất nhưng không xác định diện tích bao nhiêu. Tại Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 23/8/2007, UBND huyện T trao tặng nhà đại đoàn kết và giao quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị H nhà ở diện tích 31,20m^2. Đến ngày 17/7/2013, bà H có lập giấy cho đất cho chị T cũng không thể hiện diện tích.

Nguồn gốc đất vợ chồng ông N và vợ chồng bà T sử dụng là do năm 2007 chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ Bá C, diện tích đất trên là do ông Đỗ Bá C chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T diện tích 4 x 30m và chuyển nhượng của Ban quản lý xây dựng công trình chợ T theo Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 25/9/1993 của UBND huyện T diện tích 6 x 23m. Ngày 05/7/2007, bà I có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 04/9/2007, bà Nguyễn Thị I và ông Đỗ Văn N được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01906 ngày 4/9/2007 diện tích 133,4m^2.

Đối với diện tích đất bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Văn Ư sử dụng, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/5/2008, ông bà có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 24/7/2008 ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100,2m^2.

[3] Sau khi sang nhượng đất của Ban quản lý xây dựng công trình chợ T và bà T, quá trình kê khai đăng ký ông C phát hiện diện tích đất ông thiếu so với hiện trạng sử dụng nên ngày 20/4/2006, ông có đơn xin điều chỉnh đất thổ cư và tại bản tường trình ngày 19/7/2013 (BL39 – 40) ông Đỗ Bá C xác nhận diện tích đất tranh chấp ông sử dụng từ năm 1993 đến năm 2007 chuyển nhượng cho ông N sử dụng đúng ranh hiện trạng ông đã chuyển nhượng từ những chủ trước.

Năm 2007, chị T được UBND huyện T xây dựng và trao tặng căn nhà đại đoàn kết diện tích 31,20m^2. Sau khi chị T xây nhà thì vợ chồng ông N xây nhà trên diện tích đất tranh chấp 16m^2, vợ chồng bà T tiến hành xây dựng bức tường gạch ống không tô trên phần đất tranh chấp diện tích 6,2m^2. Chị T không có chứng cứ chứng minh thời điểm 2007, ông N xây nhà, bà T xây hàng rào, chị có tranh chấp ranh. Hiện tại, chị T sử dụng diện tích đất tại thửa 93, diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại sổ mục kê (năm 2000) thể hiện chưa có tên người đăng ký (BL85-88).

Hơn nữa, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2017, và sơ đồ kèm theo được chị T và ông N thống nhất thể hiện vị trí hầm cầu chị T sử dụng được xác định thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 14 do bà Trương Thị Th kê khai đăng ký, vị trí hầm cầu không phải tại vị trí đất tranh chấp 22,2m^2 nên không có cơ sở xác định chị T có sử dụng diện tích đất tranh chấp trên.

Tại khoản 1 Điều 265 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thoả thuận hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền". Ranh đất giữa chị T và ông N, bà I; ông Ư, bà T là bức tường nhà và bức tường gạch ống không tô được xác định theo thỏa thuận từ năm 2007.

Riêng vị trí hầm vệ sinh của chị T, giữa chị T và bà Thinh không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông N và kháng nghị số 180/QĐ/KNPT-DS ngày 14/6/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí đo đạc định giá

theo quy định tại khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cụ thể:

- Tranh chấp giữa chị T và vợ chồng ông N, vợ chồng bà T là tranh chấp về quyền sử dụng đất mà không phải xem xét về giá trị đất. Do đó, chị T chỉ chịu 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012.

- Chi phí đo đạc định giá và thẩm định tại chỗ: Chị T phải chịu 4.300.000 đồng, ghi nhận chị T đã nộp xong.

Đối với án phí phúc thẩm dân sự: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng. Ông N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Thu T.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông Đỗ Văn N.

Chấp nhận kháng nghị số 180/QĐ/KNPT-DS ngày 14/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ 1 Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu T yêu cầu ông Đỗ Văn N, bà Nguyễn Thị I phải trả phần đất có diện tích 16m^2 và yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Lê Văn Ư trả lại diện tích 6,2m^2, đất thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Về chi phí đo đạc định giá: Chị Đặng Thị Thu T phải chịu 4.300.000 đồng, ghi nhận chị T đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự: Chị T phải chịu là 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003683 ngày 05/12/2016 và 300.000 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm biên lai thu số 0004217 ngày 12/6/2017. Hoàn trả cho chị T 200.000

đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003684 ngày 05/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ông Đỗ Văn N (P) không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự, hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004230 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Phượng

Nơi nhận:
-TANDCC;
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng GĐKT;
- Lưu tập án;
- Lưu.